

BỘ QUỐC PHÒNG
BỆNH VIỆN TWQĐ 108

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 6852/BV-HLĐT

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2023

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe (đợt 3)**

Kính gửi: Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế.

Tên cơ sở công bố: **Bệnh viện Trung ương Quân đội 108**

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 0201/GPHĐ-BQP, do Bộ Quốc
phòng cấp ngày 30/07/2015.

Địa chỉ: Số 01 Trần Hưng Đạo, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: PGS. TS. Lê Hữu Song - Giám đốc bệnh viện.

Điện thoại liên hệ: 02.439.715.066.

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ
quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố
đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành (Phụ lục I);
 2. Trình độ đào tạo thực hành (Phụ lục I);
 3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (Phụ lục I);
 4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (Phụ lục II);
 5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng
tại mỗi khoa phòng (Phụ lục II);
 6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Phụ lục III).
- Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế xem xét, đăng tải
thông tin theo quy định. |m.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, HLĐT; Th08b.



Thiếu tướng Lê Hữu Song

PHỤ LỤC 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG QUÂN ĐỘI 108

(Tại một thời điểm)

(Kèm theo Công văn số: 6852/BV-HLĐT ngày 07 tháng 12 năm 2023)

I. Đào tạo sau đại học

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/Khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người GD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	CK 62725301	CKII	Ngoại chung	Khám, chữa bệnh, nghiên cứu chuyên ngành Tai Mũi Họng	Thực hành khám, chữa bệnh, nghiên cứu chuyên ngành Tai Mũi Họng	Tai mũi họng	3	15	3	9	0	15
2	CK 607288	CKI	Dinh dưỡng	Khám, chữa bệnh nghiên cứu chuyên ngành Dinh dưỡng	Thực hành khám, chữa bệnh nghiên cứu chuyên ngành Dinh dưỡng	Khoa Dinh dưỡng	2	10	2	6	0	10
3		CKI	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm huyết học, sinh hóa, vi sinh, miễn dịch, tế bào học, sinh học phân tử, tế bào gốc, IVF	Thực hành lấy mẫu làm xét nghiệm, nuôi cấy, thử nghiệm lâm sàng và đọc kết quả bệnh phẩm	Khoa Huyết học	6	30	6	18	0	18
						Khoa Sinh Hóa	6	30	6	18	0	18
						Khoa Vi sinh vật	5	25	5	15	0	15
						Khoa Miễn dịch	2	10	2	6	0	6
						Khoa Giải phẫu bệnh lý	4	20	4	12	0	12
						Khoa Sinh học phân tử	2	10	2	6	0	6
						Trung tâm nghiên cứu Y học Việt Đức	2	10	2	6	0	6
						TT Nghiên cứu ứng dụng tế bào gốc	1	5	1	3	0	3
						TT Hỗ trợ sinh sản	2	10	2	6	0	6

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tên chi	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người CB đạt yêu cầu ở BM/Khoa	Số lượng người học TH tối đa theo người GD	Số giảng/ghế rỗng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giảng/ghế rỗng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
4	NT 62720401	BSNT	Hóa sinh Y học	Xét nghiệm Hóa sinh lâm sàng	Thực hành lấy mẫu làm xét nghiệm, thử nghiệm lâm sàng và đọc kết quả bệnh phẩm	Khoa Sinh Hóa	6	30	6	18	0	18
5	NT 62720501	BSNT	Chẩn đoán hình ảnh	Khám chữa bệnh xquang, CLVT, CHT và can thiệp điện quang	Thực hành khám chữa bệnh, chẩn đoán xquang, CLVT, CHT và can thiệp điện quang	Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh	8	40	8	24	0	24
					Thực hành khám, chữa bệnh bằng kỹ thuật y học hạt nhân	Khoa Y học hạt nhân	4	20	4	12	0	12
					Thực hành kỹ thuật siêu âm, điện tim, điện não	Khoa Chẩn đoán chức năng	9	45	9	27	0	27

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH GIÁNG VIÊN/KHOA/GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIÁNG DẠY THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN TWQĐ 108
(Tại một thời điểm)
(Kèm theo Công văn số: 6852/BV-HLĐT ngày 07 tháng 12 năm 2023)

I. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II												
TT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Ký hiệu đơn vị	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
Tai Mũi Họng												
1	Đoàn Thị Thanh Hà		TS	Tai Mũi Họng	020751	Khám chữa bệnh ngoại khoa, Tai Mũi Họng	33	Tai Mũi Họng	Khám và điều trị bệnh lý chuyên khoa TMH	Khoa TMH	B9	3
2	Nguyễn Tài Dũng		TS	Tai Mũi Họng	020650	Khám chữa bệnh chuyên khoa TMH	25	Tai Mũi Họng	Chẩn đoán, khám và điều trị bệnh lý chuyên khoa TMH	Khoa Tai Mũi Họng	B9	3
3	Lê Minh Thanh		CKII	Tai Mũi Họng	94003653	Khám chữa bệnh chuyên khoa TMH	26	Tai Mũi Họng	Chẩn đoán, khám và điều trị bệnh lý chuyên khoa TMH	Khoa Tai Mũi Họng	B9	3
II. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp I												
2.1. Dinh dưỡng												
1	Đặng Biên Cường		BS. CKII	Ngoại chung	020704	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại và dinh dưỡng	28	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng lâm sàng	Dinh dưỡng	C11	3
2	Đoàn Huy Cường		TS	Dinh dưỡng	021272	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại và dinh dưỡng	9	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng lâm sàng	Dinh dưỡng	C11	3
3	Đào Thị Hào		BS. CKI	Dinh dưỡng	021410	Dinh dưỡng tiết chế	10	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng lâm sàng	Dinh dưỡng	C11	3

TT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đại yêu cầu thực hành	Ký hiệu đơn vị	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
2.2. Xét nghiệm y học												
4	Trương Thị Minh Nguyệt		BS. CKII	Huyết học - truyền máu	020758	Khám bệnh chuyên khoa Xét nghiệm	30	Chuyên khoa Xét nghiệm	Thực hành các kỹ thuật chuyên khoa Xét nghiệm	Khoa Huyết học	C2	3
5	Phạm Thị Thu Hương		BS. CKII	Huyết học - truyền máu	020778	Khám chữa bệnh chuyên khoa Huyết học truyền máu	23	HHTM	Các KTXN huyết học truyền máu	Khoa Truyền máu	C16	3
6	Trương Thị Thu Hương		BS. CKII	Huyết học - truyền máu	020780	Khám chữa bệnh chuyên khoa Huyết học truyền máu	10	Huyết học - truyền máu	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khoa Truyền máu	C16	3
7	Nguyễn Xuân Thành		BS. CKII	Huyết học - truyền máu	021170	Khám chữa bệnh chuyên khoa Huyết học truyền máu	15	Huyết học - truyền máu	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khoa Truyền máu	C16	3
8	Đào Thị Hồng Nga		TS	Kỹ thuật xét nghiệm y học	020779	Kỹ thuật xét nghiệm y học	23	Huyết học truyền máu	Kỹ thuật xét nghiệm huyết học truyền máu	Khoa Truyền máu	C16	3
9	Vũ Xuân Nghĩa	PGS	TS	Kỹ thuật xét nghiệm y học	041027	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24	Huyết học truyền máu	Kỹ thuật xét nghiệm huyết học truyền máu	Khoa Truyền máu	C16	3
10	Lý Tuấn Khải	PGS	TS	Nội khoa chuyên ngành xét nghiệm	020656	Khám chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa Xét nghiệm	30	Nội khoa, chuyên khoa Xét nghiệm	Khám chữa bệnh Nội khoa, Xét nghiệm	Khoa Huyết học	C2	3
11	Quách Xuân Hinh		TS	Hóa sinh	021327	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	29	Hóa sinh	Hóa sinh	Khoa Sinh hóa	C3	3
12	Nguyễn Cẩm Thạch		TS	Hóa sinh	020659	Khám chữa bệnh chuyên khoa xét nghiệm	20	Hóa sinh	Hóa sinh	Khoa Sinh hóa	C3	3
13	Phạm Thị Minh Huyền		TS	Hóa sinh	020657	Khám chữa bệnh chuyên khoa xét nghiệm	13	Hóa sinh	Hóa sinh	Khoa Sinh hóa	C3	3
14	Đình Thị Thảo		TbS	Hóa sinh	020658	Khám chữa bệnh chuyên khoa xét nghiệm	09	Hóa sinh	Hóa sinh	Khoa Sinh hóa	C3	3

TT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Ký hiệu đơn vị	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
15	Phan Thị Thanh Hải		ThS	Hóa sinh	021323	Khám chữa bệnh chuyên khoa xét nghiệm	16	Hóa sinh	Hóa sinh	Khoa Sinh hóa	C3	3
16	Nguyễn Thị Kim Phương		TS	Vi sinh y học	020761	Kỹ thuật xét nghiệm y học	28	Vi sinh - KSNK	Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh y học	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn	C12	3
17	Bùi Thanh Thuyết		ThS	Vi sinh	020762	Chuyên khoa xét nghiệm	11	Vi sinh y học	Kỹ thuật xét nghiệm	Khoa Vi sinh vật	C4	3
18	Phạm Thị Hương		ThS	Vi sinh	021324	Chuyên khoa xét nghiệm	22	Vi sinh y học	Kỹ thuật xét nghiệm	Khoa Vi sinh vật	C4	3
19	Nguyễn Văn Trọng		ThS	Vi sinh	021207	Chuyên khoa xét nghiệm	17	Vi sinh y học	Kỹ thuật xét nghiệm	Khoa Vi sinh vật	C4	3
20	Bùi Tiên Sỹ		TS	Kỹ thuật xét nghiệm y học	020782	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	02	Vi sinh y học	Kỹ thuật xét nghiệm	Khoa Vi sinh vật	C4	3
21	Nguyễn Thị Tuấn		TS	Miễn dịch	021155	Kỹ thuật xét nghiệm y học	23	Xét nghiệm miễn dịch	Kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch	Khoa miễn dịch	C14	3
22	Nguyễn Thị Duyên		ThS	Miễn dịch	020680	Kỹ thuật viên Xét nghiệm	10	Xét nghiệm miễn dịch	Kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch	Khoa miễn dịch	C14	3
23	Nguyễn Văn Đê		TS	Giải phẫu bệnh lý	021406	Khám chữa bệnh chuyên khoa Giải phẫu bệnh lý	12	Giải phẫu bệnh	Thực hành chẩn đoán GPB	Giải phẫu bệnh lý	C5	3
24	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		ThS	Công nghệ sinh học	021407	KTV Giải phẫu bệnh	07	Giải phẫu bệnh	Thực hành các kỹ thuật xét nghiệm giải phẫu bệnh	Khoa Giải phẫu bệnh lý	C5	3
25	Nguyễn Văn Phú Thăng		ThS	Giải phẫu bệnh	021379	Khám chữa bệnh da khoa, chuyên khoa GPB	05	Giải phẫu bệnh	Thực hành chẩn đoán GPB	Khoa Giải phẫu bệnh lý	C5	3
26	Ngô Thị Minh Hạnh		TS	Giải phẫu bệnh	020765	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa GPB	17	Giải phẫu bệnh	Thực hành chẩn đoán GPB	Khoa Giải phẫu bệnh lý	C6	3

TT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Ký hiệu đơn vị	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
27	Ngô Tất Trung		TS	Sinh học di truyền	021320	Kỹ thuật xét nghiệm y học	12	Vi sinh - Sinh học phân tử	Kỹ thuật xét nghiệm sinh học phân tử	Khoa Sinh học phân tử	C17	3
28	Đào Thanh Quyên		ThS	Di truyền học	021321	Kỹ thuật viên Xét nghiệm	09	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành các kỹ thuật chẩn đoán sinh học phân tử	Khoa Sinh học phân tử	C17	3
29	Trần Thị Thanh Huyền		ThS	Sinh học thực nghiệm	021319	Kỹ thuật viên Xét nghiệm	15	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành các kỹ thuật chẩn đoán sinh học phân tử	Khoa Sinh học phân tử	C17	3
30	Phan Quốc Hoàn	PGS	TS	Truyền nhiễm	020781	Kỹ thuật xét nghiệm y học	25	Vi sinh - Sinh học phân tử	Kỹ thuật xét nghiệm sinh học phân tử	Khoa Sinh học phân tử	C17	3
31	Trần Thị Huyền Trang		TS	Sinh học di truyền	020409	Kỹ thuật xét nghiệm y học	13	Vi sinh - Sinh học phân tử	Kỹ thuật xét nghiệm sinh học phân tử	Khoa Sinh học phân tử	C17	3
32	Dương Xuân Hòa		ThS	Ngoại chung	02737	Khám chữa bệnh Ngoại chung	12	Ngoại khoa vô sinh	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa, kỹ thuật vô sinh	Trung tâm HTSS	TTHTSS	3
33	Đặng Vĩnh Dũng		TS	Sản phụ khoa	020755	Sản phụ khoa - Vô sinh	24	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Trung tâm Hỗ trợ sinh sản	TTHTSS	3

IV. Đào tạo Bác sĩ nội trú

4.1. Hóa sinh Y học

1	Quách Xuân Hình		TS	Hóa sinh	021327	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	29	Hóa sinh	Hóa sinh	Khoa Sinh hóa	C3	3
2	Nguyễn Cẩm Thạch		TS	Hóa sinh	020659	Khám chữa bệnh chuyên khoa xét nghiệm	20	Hóa sinh	Hóa sinh	Khoa Sinh hóa	C3	3
3	Phạm Thị Minh Huyền		TS	Hóa sinh	020657	Khám chữa bệnh chuyên khoa xét nghiệm	13	Hóa sinh	Hóa sinh	Khoa Sinh hóa	C3	3

TT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Ký hiệu đơn vị	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
4	Đinh Thị Thảo		ThS	Hóa sinh	020658	Khám chữa bệnh chuyên khoa xét nghiệm	09	Hóa sinh	Hóa sinh	Khoa Sinh hóa	C3	3
5	Phan Thị Thanh Hải		ThS	Hóa sinh	021323	Khám chữa bệnh chuyên khoa xét nghiệm	16	Hóa sinh	Hóa sinh	Khoa Sinh hóa	C3	3

4.2. Chẩn đoán hình ảnh

6	Lâm Khánh	GS	TS	Chẩn đoán hình ảnh	020692	Khám chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	32	Thực hành các kỹ thuật về Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành các kỹ thuật chụp, đọc kết quả XQ, CT, MRI	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	C8	3
7	Lê Duy Dũng		TS	Bác sĩ đa khoa	020675	Khám chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	13	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành các kỹ thuật chụp, đọc kết quả XQ, CLVT, CHT	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	C8	3
8	Tống Thị Thu Hằng		TS	Bác sĩ đa khoa	020677	Khám chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	12	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành các kỹ thuật chụp, đọc kết quả XQ, CLVT, CHT	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	C8	3
9	Phạm Minh Chí		ThS	Bác sĩ đa khoa	021255	Khám chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	8	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành các kỹ thuật chụp, đọc kết quả XQ, CLVT, CHT	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	C8	3
10	Lê Hữu Tý		ThS	Bác sĩ đa khoa	021277	Khám chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	5	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành các kỹ thuật chụp, đọc kết quả XQ, CLVT, CHT	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	C8	3
11	Nguyễn Văn Thạch		BS.CKII	Chẩn đoán hình ảnh	020775	Khám chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	27	Thực hành các kỹ thuật về chẩn đoán hình ảnh	Thực hành các kỹ thuật chụp, đọc kết quả XQ,CLVT,CHT	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	C8	3

TT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Ký hiệu đơn vị	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
12	Đình Hoàng Điệp		BS.CKII	Chẩn đoán hình ảnh	020676	Khám chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	10	Thực hành các kỹ thuật về chẩn đoán hình ảnh	Thực hành các kỹ thuật chụp, đọc kết quả XQ,CLVT,CHT	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	C8	3
13	Lê Hải Sơn		BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	021270	Khám chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	09	Thực hành các kỹ thuật về chẩn đoán hình ảnh	Thực hành các kỹ thuật chụp, đọc kết quả XQ,CLVT,CHT	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	C8	3
4.3. Y học hạt nhân												
14	Lê Ngọc Hà	PGS	TS	Nội khoa, Y học hạt nhân	020614	Khám chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa Y học hạt nhân	32	Nội khoa, Y học hạt nhân	Chẩn đoán, khám và điều trị bệnh lý nội khoa, Y học hạt nhân	Khoa Y học hạt nhân	A20	3
15	Nguyễn Đình Châu		TS	Bác sĩ đa khoa	020142	Khám, điều trị bệnh chuyên khoa Ung thư	10	Ung thư	Các kỹ thuật xạ trị ung thư, xạ phẫu	Khoa Xạ trị- Xạ phẫu	A6C	3
16	Hoàng Đào Chinh		TS	Bác sĩ đa khoa	020141	Khám, điều trị bệnh chuyên khoa Ung thư	12	Ung thư	Các kỹ thuật xạ trị ung thư, xạ phẫu	Khoa Xạ trị- Xạ phẫu	A6C	3
17	Mai Hồng Sơn		TS	Bác sĩ đa khoa	020618	Khám chữa bệnh Nội khoa- YHHN	10	Y học hạt nhân	Các kỹ thuật Y học hạt nhân cơ bản	Khoa Y học hạt nhân	A20	3
4.4. Chẩn đoán chức năng												
18	Nguyễn Thanh Thảo		TS	Chẩn đoán hình ảnh	020662	Khám chữa bệnh chuyên ngành chẩn đoán chức năng	31	Chẩn đoán hình ảnh	Siêu âm chẩn đoán và Thăm dò chức năng	Khoa Chẩn đoán chức năng	C7	3

TT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Ký hiệu đơn vị	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
19	Tương Thị Hồng Hạnh		TS	Chẩn đoán hình ảnh	020599	Khám chữa bệnh chuyên ngành chẩn đoán chức năng	30	Chẩn đoán hình ảnh	Siêu âm chẩn đoán và Thăm dò chức năng	Khoa Chẩn đoán chức năng	C7	3
20	Nguyễn Huy Hoàng		TS	Chẩn đoán hình ảnh	020670	Khám chữa bệnh chuyên ngành chẩn đoán chức năng	15	Chẩn đoán hình ảnh	Siêu âm chẩn đoán và Thăm dò chức năng	Khoa Chẩn đoán chức năng	C7	3
21	Vũ Đình Triển		TS	Chẩn đoán hình ảnh	020668	Khám chữa bệnh chuyên ngành chẩn đoán chức năng	15	Chẩn đoán hình ảnh	Siêu âm chẩn đoán và Thăm dò chức năng	Khoa Chẩn đoán chức năng	C7	3
22	Nguyễn Thị Thu Hương		BS.CKII	Chẩn đoán hình ảnh	020663	Chẩn đoán hình ảnh và CDCN	30	Chẩn đoán chức năng	Siêu âm chẩn đoán và Thăm dò chức năng	Khoa Chẩn đoán chức năng	C7	3
23	Nguyễn Thị Thu Hà		BS.CKII	Chẩn đoán hình ảnh	020667	Chẩn đoán hình ảnh và CDCN	28	Chẩn đoán chức năng	Siêu âm chẩn đoán và Thăm dò chức năng	Khoa Chẩn đoán chức năng	C7	3
24	Vũ Thị Thu Lan		BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	020673	Chẩn đoán hình ảnh và CDCN	09	Siêu âm chẩn đoán và Thăm dò chức năng	Siêu âm chẩn đoán và Thăm dò chức năng	Khoa Chẩn đoán chức năng	C7	3
25	Vũ Thị Hoa		ThS	Bác sĩ đa khoa	021274	Khám bệnh chuyên khoa Chẩn đoán chức năng	6	Chẩn đoán chức năng	Siêu âm chẩn đoán và thăm dò chức năng	Khoa Chẩn đoán chức năng	C7	3
26	Vũ Quang Tiệp		ThS	Bác sĩ đa khoa	021275	Khám bệnh chuyên khoa Chẩn đoán chức năng	6	Chẩn đoán chức năng	Siêu âm chẩn đoán và thăm dò chức năng	Khoa Chẩn đoán chức năng	C7	3

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI BỘ MÔN/KHOA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Kèm theo Công văn số: 6852 /BV-HLĐT ngày 07 tháng 12 năm 2023)

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
PHẦN I. HỆ THỐNG PHÒNG GIẢNG, THIẾT BỊ VÀN PHÒNG ĐẢM BẢO GIẢNG DẠY		
1	Phòng bảo vệ luận án tiến sĩ được trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh chuẩn, hệ thống trình chiếu LED	6
2	Phòng giảng bộ môn trang bị hệ thống bàn, ghế, trình chiếu phục vụ bài giảng điện tử	12
3	Phòng học ngoại ngữ (LAB) 30 box, trang bị hệ thống máy tính, trình chiếu chuẩn ứng dụng phần mềm X-Class	1
4	Phòng học ngoại ngữ (LAB) 30 box, trang bị hệ thống máy tính, trình chiếu chuẩn ứng dụng phần mềm X-Class	5
4	Hệ thống Telemedicin: Hệ thống hỗ trợ chẩn đoán và khám chữa bệnh từ xa	1
5	Hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện: Cho phép truy cập các thông tin của bệnh nhân nội trú	1
6	Đơn vị Y học thực nghiệm: Đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật cho các đơn vị trong và ngoài bệnh viện tới nghiên cứu và thử nghiệm các kỹ thuật, thiết bị, vật liệu, thuốc mới phục vụ cho công tác điều trị	1
7	Hệ thống trình chiếu đồng bộ (Máy tính xách tay + Máy tính bàn + Máy chiếu + Màn chiếu điện)	Mỗi đơn vị 01 bộ
8	Máy tính bàn đồng bộ sử dụng mạng nội bộ (Office one)	Mỗi đơn vị 02 bộ
9	Máy in đen trắng	Mỗi đơn vị 02 cái
10	Máy in màu	20
11	Máy Photocopy	Mỗi đơn vị 01 cái
12	Máy scanner	Mỗi đơn vị 01 cái
PHẦN II. TRANG BỊ Y TẾ PHỤC VỤ GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU		
I. TRANG BỊ CHẨN ĐOÁN CHỨC NĂNG		
13	Máy điện tim 3 kênh ECG-1150, Nihon Kohden, Nhật Bản	4
14	Máy điện tim 3 kênh ECG-1150K, Nihon Kohden, Nhật Bản	2
15	Máy điện tim 3 kênh ECG-1150K, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
16	Máy điện tim 3 bút Cardio-M	11
17	Máy điện tim 3 kênh ECG-9620K, Nihon Kohden, Nhật Bản	9
18	Máy điện tim 6 kênh ECG-1250K, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
18	Máy điện tim 6 kênh ECG-9022K, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
19	Máy điện tim 6 kênh ECG-1250, Nihon Kohden, Nhật Bản	4

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
		2
20	Máy điện não Neuro Fax EEG-9200K, Nihon Kohden, Nhật Bản	3
21	Máy điện não vi tính EEG-1200K, Nihon Kohden, Nhật Bản	2
22	Máy đo lưu huyết não Rheoscreen compact, Medis, Đức	1
23	Máy điện cơ MEB-4200, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
24	Máy điện cơ MEB-7100, Nihon Kohden, Nhật Bản	2
25	Máy điện cơ MEB-9408K, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
26	Máy đo chức năng hô hấp PC-10, Chest, Nhật Bản	1
27	Máy theo dõi điện tim, huyết áp 24 giờ DigiTrak Plus 3100, Philips Zymned,	1
28	Máy điện tim gắng sức MAC 5000HD, GE, Mỹ	1
29	Máy điện tim gắng sức CS200, Schiller, Đức	1
30	Điện tim gắng sức SE-PR 0600, Welch-Allyn, Mỹ	
II. TRANG BỊ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH		4
31	Máy siêu âm đen trắng SSD-1400, Aloka, Nhật Bản	2
32	Máy siêu âm màu 3D SSA-790A Aplio XG, Toshiba, Nhật Bản	1
33	Máy siêu âm màu chuyên tim Vivid 7 Dimension, GE, Na Uy	2
34	Máy siêu âm màu chuyên tim Vivid S5, GE, Israel	1
35	Máy siêu âm màu HD11XE, Philips, Mỹ	1
36	Máy siêu âm màu HD15, Philips, Mỹ	1
37	Máy siêu âm màu Sonos 7500, Philips, Mỹ	3
38	Máy siêu âm màu SSD-4000, Aloka, Nhật Bản	6
39	Máy siêu âm màu xách tay Logiq S8, GE, Hàn Quốc	1
40	Máy siêu âm màu xách tay M-Turbo, Sonosite, Mỹ	1
41	Máy siêu âm mắt cấu hình cao VUMAX 7, Sonomed, Mỹ	1
42	Máy siêu âm mắt Compact Touch, Quantel Medical, Pháp	1
43	Máy doppler xuyên sọ Digi-Lite IP, Remed, Israel	7
44	Hệ thống Xquang kỹ thuật số DR-F, GE, Mỹ	2
45	Máy Xquang chẩn đoán cố định KXO-32S, Toshiba, Nhật Bản	1
46	Hệ thống Xquang kỹ thuật số DIXRay, Arzt-praxis, Đức	1
47	Máy Xquang chẩn đoán di động Jolly plus, BMI, Ý	1
48	Máy Xquang chẩn đoán di động Polymobil Plus, Siemens, Tây Ban Nha	1
49	Máy Xquang chẩn đoán di động Visitor AR30, Villa, Ý	1
50	Máy Xquang chẩn đoán di động Optima 240 GE Healthcare, Mỹ	

km.

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
		1
51	Máy Xquang xách tay, Minixray, Mỹ	1
52	Máy chụp Xquang lưu động TMX+, Iatlia	1
53	Máy Xquang cánh tay C di động OEC 785 Elite, GE, Mỹ	2
54	Máy Xquang cánh tay C di động Siremobil Compact L, Siemens, Đức	1
55	Máy Xquang di động C-Arm BV Libra, Philips, Hà Lan	2
56	Máy Xquang tăng sáng truyền hình DuoDianost, Philips, Đức	1
57	Hệ thống chụp mạch số hoá Integris Allura 9F, Philips Hà Lan (1 bình điện)	1
58	Hệ thống chụp mạch số hoá Angio, Philips, Áo (2 bình điện)	2
59	Máy Xquang cánh tay C di động số hóa, xóa nền OEC Fluorostar, GE	1
60	Máy chụp cắt lớp Xquang Brilliance 6, Philips, Mỹ (06 lát cắt)	2
61	Máy chụp cắt lớp Xquang Brivo CT 385, GE, Trung Quốc (16 lát cắt)	1
62	Máy chụp cắt lớp Xquang TSX-310A, TOSHIBA, Nhật bản (320 lát cắt)	1
63	Máy chụp CT mô phỏng 16 lát CT580, GE, Trung Quốc	1
64	Máy CT Scanner Hi Speed Dual, GE, Trung Quốc	1
65	Máy Xquang răng ENDOS-ACP, Villa Sistemi Medical, Ý	1
66	Máy Xquang răng ORALIX-AC, ORALIX, Ý	1
67	Máy Xquang toàn cảnh Rotograph, Villa Ý	1
68	Máy XQ KTS Gendex - Italy	1
69	Máy chụp XQ răng KTS CS 220 Care tream Health, Pháp	1
70	Máy Xquang chụp vú kỹ thuật số Essential, GE, Pháp	1
71	Máy đo độ loãng xương Xquang Explorer, Hologic, Mỹ	1
72	Máy đo độ loãng xương Xquang Discovery, Hologic, Mexico	1
73	Máy bơm thuốc cân quang	2
74	Hệ thống PET/CT Discovery ST/STE, GE, Mỹ (16 lát cắt)	1
75	Máy chụp xạ hình Spect CadioDesk Dual-Head, Mediso, Hungary	1
76	Máy chụp xạ hình Spect Infinia Hawkeye 4, GE, Mỹ	1
77	Máy chụp xạ hình Spect Millennium MG, GE, Mỹ	1
78	Máy chụp xạ hình Spect Ventri, GE, Mỹ	1
79	Máy chụp xạ hình Pect/CT Optima NM/CT640, GE- Israel	1
80	Hệ thống cộng hưởng từ Achieva 3.0T Xseries, Philips, Áo	1
81	Hệ thống cộng hưởng từ Gyroscan 1.5T NT, Philips, Mỹ	1
82	Hệ thống cộng hưởng từ Optima MR360 1.5T, GE, MỸ	1

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
83	Hệ thống cộng hưởng từ Discovery MR750w, GE Healthcare, Mỹ	1
84	Máy rửa phim khô Drystar 5300, Agfa, Bỉ	1
85	Máy rửa phim tự động Optimax, Protec, Đức	1
III. TRANG BỊ Y HỌC HẠT NHÂN VÀ XẠ TRỊ		1
86	Máy xạ trị điều biến liều, cửa sổ đa lá, Varian-CX, Varian medical, Mỹ	1
87	Hệ thống xạ phẫu Cyber Knife Anh - Mỹ	1
88	Máy chuẩn liều xạ Atomlab 100, Biodex, Mỹ	1
89	Máy chuẩn liều xạ Atomlab 300, Biodex, Mỹ	2
90	Máy chuẩn liều xạ Curiementor 3, PTW, Đức	1
91	Hệ thống gia tốc vòng Cyclotron 30MeV, IBA	1
IV. TRANG BỊ XÉT NGHIỆM SINH HÓA		2
92	Máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU 400, Olympus, Nhật Bản	1
93	Máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU 640, Olympus, Nhật Bản	1
94	Máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU 2700, Beckman Counter, Nhật Bản	2
95	Máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU 5800, Beckman Counter, Nhật Bản	2
96	Máy xét nghiệm tiểu đường HbA1c, HLC-723G8, TOSOH, Nhật Bản	4
97	Máy xét nghiệm điện giải khí máu GEM Premire 3000, Instrumentation Laboratory, Mỹ	2
98	Máy xét nghiệm nước tiểu Clinitek Advandus, Siemens, Mỹ	1
99	Máy xét nghiệm nước tiểu tự động Clinitek Atlas, Siemens, Mỹ	3
100	Bộ điện di năm Mini-Sub Cell GT và bộ nguồn Powerpac basic, Bio-rad, Mỹ	2
101	Bộ điện di năm Sub-Cell 192 và bộ nguồn Powerpac basic, Bio-rad, Mỹ	2
102	Bộ điện di đứng Mini-Protean tetra cell và bộ nguồn Powerpac HC, Bio-rad, Mỹ	2
103	Bộ điện di đứng Sequi-Gen GT, BioRad, Mỹ	2
104	Bộ điện di đứng 2 chiều Protean II xi Cell, Bio-rad, Mỹ	3
105	Máy dán mã code xét nghiệm BC ROBO-8000, Techno Medica, Nhật bản	2
106	Hệ thống xử lý nước RO phục vụ xét nghiệm RO-250l/h, Liên doanh, Việt nam	1
V. TRANG BỊ XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH, VI SINH VẬT		1
106	Hệ thống xét nghiệm Elisa 680, Bio-rad, Nhật Bản	1
107	Hệ thống xét nghiệm Elisa Elx-800, Biotek, Mỹ	1
108	Máy phân tích miễn dịch tế bào BD FACSCanto II, DB Biosciences, Mỹ	2
109	Máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang Cobas 601, Roche, Nhật Bản	3
110	Máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang VITROS ECiQ, Johnson & Johnson, Mỹ	1
111	Máy xét nghiệm miễn dịch LIAISON, Diasorin, Đức	1

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
112	Máy xét nghiệm miễn dịch Unicel-Dxl, Beckman Counter, Mỹ	4
113	Tủ an toàn sinh học cấp 2 Airstream, Esco, Singapore	1
114	Tủ an toàn sinh học cấp 2 BioII Advance 4, Telstar, Tây Ban Nha	1
115	Tủ cây máu tự động Bactec 9120, Becton Dickinson, Mỹ	1
116	Tủ hút khí độc ADC-4B1, Esco, Indonesia	1
117	Tủ an toàn sinh học cấp 2 AC2-4E8, Esco, Indonesia	1
118	Kính hiển vi huỳnh quang có camera BX50, Olympus, Nhật Bản	1
119	Máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ Vitek 2 Compact, Biomerieux, Pháp	1
120	Máy đếm dòng tế bào Guava EasyCyte, EMD Millipore, Mỹ	2
121	Máy nhân gen Gradient PCR định tính Mastercycler ProS, Eppendorf, Đức	1
122	Máy nhân gen Real-time PCR định lượng ABI 7500, Applied Biosystems, Mỹ	2
123	Máy nhân gen Real-time PCR định lượng PCR 9700, Applied Biosystems, Mỹ	1
124	Máy nhân gen Real-time PCR định lượng Rotor-Gene 3000, Corbett Reseach, Mỹ	
VI. TRANG BỊ XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC VÀ TRUYỀN MÁU		2
125	Hệ thống tách thành phần máu Comtec, Fresinus, Đức	2
126	Máy cân, lắc và lấy máu T-RAC, Terumo, Pháp	2
127	Tủ bảo quản tiêu cầu 48 túi PC900I, Helmer, Mỹ	1
128	Tủ lạnh âm sâu MDF-U32V, Sanyo, Nhật Bản	3
129	Tủ lạnh âm sâu MDF-U5411, Sanyo, Nhật Bản	1
130	Tủ lạnh trữ máu HB-120, Helmer, Mỹ	1
131	Tủ lạnh trữ máu MPR-514, Sanyo, Nhật Bản	2
132	Tủ lạnh trữ máu MRB-280, Electrolux, Mỹ	7
133	Tủ bảo quản sinh phẩm MPR-S313-PK, Panasonic, Nhật Bản	1
134	Tủ lạnh Plasma UFP-2330D, Thermo Scientific, Ý	5
135	Máy xét nghiệm huyết học Advia 2120, Siemens, Ai Len	1
136	Máy xét nghiệm huyết học Celldyn-1800, Abbott, Mỹ	1
137	Máy phân tích chức năng tiêu cầu, 560 Ca, CHRONO-LOG, Mỹ	1
138	Máy xét nghiệm đông máu tự động ACL Elite Pro, IL, Mỹ	1
139	Máy xét nghiệm đông máu tự động ACL-TOP 500, Instruments Laboratory, Mỹ	1
140	Máy xét nghiệm đông máu tự động ACL-TOP 700, Instruments Laboratory, Mỹ	1
141	Máy đo tốc độ lắng máu tự động SEDY 12, ELECTA, Ý	1
142	Máy đo tốc độ lắng máu tự động SEDY 40, ELECTA, Ý	2
143	Máy đo tốc độ lắng máu tự động MIXRATE20, MIX, Ý	

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
VII. TRANG BỊ GIẢI PHẪU BỆNH LÝ		
144	Máy cắt quay AS-325R, Shandon, Anh	1
145	Máy cắt quay HM-325, Microm, Đức	1
146	Máy cắt tiêu bản lạnh Cryotome E, Thermo Scientific, Anh	2
147	Máy cắt tiêu bản lạnh Tissuetek Cryo3, Sakura, Nhật Bản	1
148	Máy xử lý mô tự động Micro STD 120-2, Microm, Đức	1
149	Máy cắt tiêu bản Cryo Star NX50, Thermo Scientific, TQ	1
150	Máy xử lý mô tự động Excelsior, Thermo Fisher, Anh	1
151	Máy cắt lát vi thể quay tay HM325, MICROM, TQ	1
152	Máy đúc mô có bản làm lạnh Histo Star, Thermo Fisher, Anh	5
153	Kính hiển vi 2 mắt điện CHT, Olympus, Nhật Bản	2
154	Kính hiển vi 2 mắt điện có camera CX 31, Olympus, Nhật Bản	1
155	Kính hiển vi 2 mắt điện CX21FS1, Olympus, Philippine	2
156	Kính hiển vi 2 mắt điện Primostar, Carl Zeiss, Trung Quốc	1
157	Kính hiển vi huỳnh quang E-600 Nikon truyền ảnh qua monitor E-600, Nikon, Nhật	2
158	Máy li tâm 2420, Kubota, Nhật Bản	1
159	Máy li tâm 4000, Kubota, Nhật Bản	1
160	Máy li tâm 5100, Kubota, Nhật Bản	3
161	Máy li tâm 5415D, Ependorf, Đức	6
162	Máy li tâm 8 lỗ EBA-20, Hettich, Đức	1
163	Máy li tâm Labofuge 200, Hereaus, Đức	1
164	Máy li tâm Labofuge 300, Hereaus, Đức	1
165	Máy li tâm ngang 28 ống Rotina 380, Hettich, Đức	1
166	Máy li tâm lạnh Multifuge 3S-R, Hereaus, Đức	1
167	Máy li tâm lạnh siêu tốc Optima LE 80 K, Beckman Coulter, Mỹ	3
168	Máy li tâm lạnh 3K 12, Sigma, Đức	2
169	Máy li tâm lạnh loại lớn 5810R, Ependorf, Đức	4
170	Máy li tâm lạnh nhỏ 5415R, Ependorf, Đức	1
171	Máy li tâm lạnh tách máu 5702, Ependorf, Đức	1
172	Máy li tâm lạnh 6 chỗ CR-7, Hitachi, Nhật Bản	3
173	Máy li tâm Rotofix 32A, Hettich, Đức	2
174	Máy ổn nhiệt dùng nước WB20, Memmert Đức	2
175	Máy ủ mẫu Thermo Start Plus, Eppendorf, Đức	

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng
176	Tủ âm CO2 Hera Cell 150, Hereaus, Đức	2
177	Tủ âm HH-B11.360, Hangzi, Trung Quốc	1
178	Tủ âm INB 500, Memmert, Đức	1
179	Tủ âm IN55, Memmert, Đức	1

PHẦN III. THƯ VIỆN

- 1 Thư viện chuyên môn của Bệnh viện có khoảng 220 đầu sách, tài liệu chuyên khảo, tạp chí bằng tiếng Việt, Anh, Pháp, Nga, Đức...
- 2 Hệ thống thư viện điện tử giúp người học dễ dàng tìm kiếm, tham khảo và cập nhật các kiến thức mới trên thế giới:
 - + Trong nước: Kết nối và khai thác thông tin y học của Bộ Khoa học công nghệ và các học viện, trường đại học trong cả nước.
 - + Quốc tế: Tài khoản truy cập vào các trang tìm kiếm thông tin y học có uy tín như:

<http://www.who.int/hinari/en/>

<https://www.bmj.com/>

<http://db1.vista.gov.vn/login.aspx> *lm.*

